

Phí Chính Thanh

VỚI NGÀNH TRUNG QUỐC HỌC MỸ

ĐÀO VĂN SIÊU*

Ngày 14-9-1991, Phí Chính Thanh (John King Fairbak) – nhà Trung Quốc học nổi tiếng của Mỹ - đã đột ngột qua đời, sau một cơn đau tim nặng. Suốt cuộc đời Phí Chính Thanh dốc sức nghiên cứu Đông Á, đặc biệt là Trung Quốc, đồng thời ra sức phát triển ngành Trung Quốc học của Mỹ, góp phần thúc đẩy ngành Trung Quốc học trên thế giới, để lại một di sản học thuật hết sức phong phú. Người viết bài này từng có nhiều lần trao đổi thư từ với Phí Chính Thanh, nên phần nào hiểu được tư tưởng học thuật của ông. Song, để đánh giá toàn diện thành quả học thuật và những hoạt động khoa học của ông thì trong một bài tạp chí là không thể. Ở đây, chỉ muốn bày tỏ một vài suy nghĩ về những cống hiến của Phí Chính Thanh cho sự phát triển ngành Trung Quốc học ở Mỹ.

Một bậc thầy khai mở một phương pháp nghiên cứu mới

Phí Chính Thanh là một học giả cực kỳ năng nổ. Suốt đời, ông làm việc không ngừng nghỉ, có tới hơn 60 tác phẩm viết

riêng, viết chung hoặc biên soạn chung. Ngoài ra, còn một số lượng lớn bài nghiên cứu và bình luận sách. Trước tác của ông quả là rất nhiều⁽¹⁾, có thể chia thành bốn loại sau: *Loại thứ nhất* là những trước tác học thuật theo nghĩa nghiêm ngặt. Tiêu biểu cho loại này là một số bài nghiên cứu của ông và tác phẩm Mậu dịch và ngoại giao ven biển Trung Quốc (Trung Quốc diên hải đích mậu dịch dữ ngoại giao), được ông hoàn thành trên cơ sở bổ sung, sửa chữa luận văn Tiến sĩ; *loại thứ hai* chủ yếu là mục lục tóm lược một số vấn đề về Trung Quốc học và sách giới thiệu văn kiện, do ông cùng học sinh và một số đồng nghiệp nghiên cứu về Đông Á biên soạn. Tiêu biểu cho loại này là những cuốn: Trung Quốc cận đại: Về những tác phẩm của Trung Quốc viết từ 1898 đến 1937 (Cận đại Trung Quốc: 1898 niên chí 1937 niên Trung Quốc trước thuật chỉ nam) // Modern China: A Bibliography Guide to Chinese Works, 1898 – 1937^(**), biên soạn chung với Lưu

⁽¹⁾ NCV, Sở Nghiên cứu Mỹ – Viện KHXH Trung Quốc.

Quảng Kinh; Phản ứng của Trung Quốc đối với phương Tây: Văn hiến thông khảo (Trung Quốc đối Tây phương đích phản ứng: Văn hiến thông khảo) // *China's Response to the West: A Documentary Survey* và *Phản ứng của Trung Quốc đối với phương Tây: Phương hướng nghiên cứu* (Trung Quốc đối Tây phương đích phản ứng: Nghiên cứu chỉ nam) // *Research Guide for China's Response to the West* soạn chung với Đặng Tự Vũ; *loại thứ ba* là những tác phẩm về Trung Quốc và quan hệ Trung - Mỹ, được Phí Chính Thanh viết với mục đích phục vụ đông đảo bạn đọc. Thuộc loại này, tác phẩm *Nước Mỹ với Trung Quốc* (Mỹ quốc dữ Trung Quốc) // *The United States and China* được công chúng biết tới nhiều nhất. Trong toàn bộ trước tác của Phí Chính Thanh, loại thứ ba chiếm số lượng lớn nhất. Những trước tác loại này là sản phẩm được ông viết căn cứ vào những thành quả nghiên cứu mới nhất và những tư liệu sẵn có (tư liệu cấp hai) rồi tham góp thêm nhiều mặt để thấu hiểu vấn đề một cách toàn diện, sau đó giải thích theo hệ thống quan điểm của riêng mình; *loại thứ tư* là loạt bài viết đề xuất những chính sách, kiến nghị và luận bàn trực tiếp về mối quan hệ Trung - Mỹ. Loạt bài viết này hoàn toàn không giống với những bài bình luận thời sự nói chung. Cụ thể, Phí Chính Thanh thường kết hợp lịch sử với hiện thực để làm rõ vấn đề, luận bàn về bối cảnh lịch sử và ngọn ngành của vấn đề trước mắt, chứ không trình bày vấn đề một cách đơn lẻ. Sau khi công bố, những bài viết này phần lớn được tập hợp thành sách, chẳng hạn các tác

phẩm: *Trung Quốc: Vương quốc trung ương của nhân dân và nước Mỹ* (Trung Quốc: Nhân dân đích trung ương vương quốc hòa Mỹ quốc) // *China: The Peoples Middle Kingdom and the U.S.A*; *Nhận thức Trung Quốc: Hình tượng và chính sách trong quan hệ Trung - Mỹ* (Nhận thức Trung Quốc: Trung Mỹ quan hệ trung đích hình tượng dữ chính sách) // *China Perceived: Images and Policies in Chinese - American Relations*, v.v... Nhìn chung, toàn bộ trước tác của Phí Chính Thanh có hai đặc trưng nổi bật là:

Thứ nhất, tư tưởng sử học kinh thế chí dụng, thực tiễn.

Đối tượng nghiên cứu chủ yếu của ngành Hán học truyền thống ở châu Âu là ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc. Đây dường như là một loại học vấn tháp ngà, nghiên cứu vị nghiên cứu, học thuật vị học thuật (vị nghiên cứu nhi nghiên cứu, vị học thuật nhi học thuật). Đương nhiên, học tập, tìm tòi với mục đích tự thân (vị cầu tri nhi cầu tri) cũng là một nhu cầu. Song - về căn bản - tư tưởng và thực tiễn học thuật của Phí Chính Thanh khác hẳn họ. Tuy ông không nói rõ tư tưởng học thuật của mình, nhưng vào năm 1968, tại cuộc họp Khóa 83 của Hội sử học Mỹ, trong bài diễn thuyết nhậm chức Hội trưởng, Phí Chính Thanh đã thẳng thắn nói rõ chủ trương học thuật kinh thế trị quốc của mình⁽²⁾. Ông tin tưởng, "Nghiên cứu cần phải có hiệu quả và tác dụng thực tế", "Trách nhiệm của học giả không phải chỉ ở chỗ tăng cường tri thức, mà còn ở chỗ giáo dục công chúng và ảnh hưởng tới chính sách của nhà nước". Suốt cuộc đời, trong

công việc nghiên cứu học thuật của mình, Phí Chính Thanh trước sau luôn nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa lịch sử với hiện thực, cũng như mối quan hệ giữa nghiên cứu học thuật với hiện thực chính trị. Quan niệm này có ảnh hưởng sâu sắc đối với những học trò của ông, khiến họ cảm thấy mình phải có trách nhiệm “Làm rạng rỡ thêm quan niệm của người Mỹ về hiện thực, tự do; chuẩn bị tốt công việc nghiên cứu Đông Á, tránh sự hẹp hòi, phiến diện” – Như người thầy họ luôn mong mỏi. Sự từng trải riêng của Phí Chính Thanh và đặc thù thời đại đã tạo nên quan niệm này.

Sau khi hoàn thành luận văn Tiến sĩ ở Orford, Phí Chính Thanh trở về đại học Harvard giảng dạy. Từ năm 1939, ông cùng với Edwin O.Reischauer bắt đầu soạn giáo trình về văn minh Đông Á. Nếu không có cuộc chiến tranh Thái Bình Dương, có lẽ ông đã yên ổn với công việc nghiên cứu ở đại học Harvard. Nhưng bốn tháng trước khi chiến tranh bùng nổ, ông bị trưng dụng vào làm việc tại Cục Tình báo (tiên thân của cục Tình báo chiến lược Mỹ sau này). Từ tháng 9 - 1942 đến tháng 12 - 1943, Phí Chính Thanh là quan chức của Cục Tình báo chiến lược, kiêm Trợ lý đặc biệt của Đại sứ Mỹ ở Trung Quốc. Những chức vụ này khiến ông có cơ hội quan sát tương đối sâu rộng xã hội Trung Quốc và hiểu rõ thực tế Trung Quốc. Ông nhận thấy những khu vực do Quốc dân đảng thống trị, cuộc sống người dân vô cùng cực khổ, lạm phát nghiêm trọng, năng lực chính phủ quá thấp, quan lại chỉ biết rong chơi phê phởn, tầng lớp trí thức thì bất mãn

sâu sắc đối với chính quyền hiện hữu. Tất cả những điều đó trái ngược hẳn với những điều Quốc dân đảng tuyên truyền ở nước ngoài. Phí Chính Thanh cho rằng, sự thống trị của Quốc dân đảng “đã tận số, lòng dân cũng chẳng còn” (Khí số dĩ tận, dân tâm tận thất)⁽³⁾. Nhận định này cũng hoàn toàn phù hợp với suy nghĩ của John S.Service và John P.Davis – những quan chức chính trị của Đại sứ quán Mỹ ở Trung Quốc lúc đó. Với cương vị của mình, Phí Chính Thanh tích cực chủ động phái Tổ quan sát của quân đội Mỹ đến Diên An, duy trì mối quan hệ tốt đẹp với những nhân viên của Đảng Cộng sản Trung Quốc làm việc tại văn phòng ở Trùng Khánh. Trở về nước năm 1944, ông đã mang theo một niềm tin: Phong trào cách mạng ở Trung Quốc là sản phẩm nội tại của cuộc sống hiện thực Trung Quốc. Tưởng Giới Thạch không có một vũ khí tư tưởng nào có thể chống lại cuộc cách mạng này. Trong một báo cáo gửi Quốc hội, Phí Chính Thanh viết: Chúng ta tất sẽ chứng kiến cuộc cách mạng vĩ đại ở Trung Quốc sắp phát sinh trong một ngày gần đây⁽⁴⁾.

Nhưng đương thời, rất ít người Mỹ hiểu tình hình thực tế Trung Quốc. Hơn nữa, sau khi Patrick J.Hurley đến Trung Quốc vào dịp Đông Xuân 1944 – 1945, người Mỹ ngày càng có khuynh hướng ủng hộ Quốc dân đảng một cách phiến diện; chính sách của họ đối với nước này cũng từ việc ủng hộ Tưởng hòa hoãn với Đảng Cộng sản Trung Quốc để chống Nhật trong thời chiến, chuyển sang ủng hộ Tưởng, chống Đảng Cộng sản thời hậu chiến. Từ tháng 10 - 1945 đến tháng

7 - 1946, Phí Chính Thanh lại đến Trung Quốc, giữ chức Chủ nhiệm Văn phòng đại diện của cơ quan Thông tấn Mỹ tại Trung Quốc. Thời gian này, ông tận mắt chứng kiến sự hoành hành, thói tham lam vô độ của giới quan chức Quốc dân đảng, thêm nữa, sự hủ bại của đảng này và nạn lạm phát ngày càng gia tăng đã khiến nhiều giai tầng từng ủng hộ Quốc dân đảng trước đây dần xa lánh. Tháng 7 - 1946, hai vị nhân sĩ dân chủ nổi tiếng là Lý Công Phác và Văn Nhất Đa lần lượt bị đặc vụ Quốc dân đảng ám sát. Sự việc trên khiến Phí Chính Thanh vô cùng phẫn nộ, và từ đó hoàn toàn thất vọng đối với nền thống trị của Quốc dân đảng. Với tâm trạng phẫn uất, ông viết hàng loạt bài báo chỉ trích những “hành động kẻ cướp” và “thói ngang ngược” của Quốc dân đảng, đồng thời chỉ ra, chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc đang “đối diện trước sự lựa chọn lưỡng nan” : “Cách mạng sẽ là mối nguy cho lợi ích nền tự do của chúng ta, nhưng hiện thời, lợi ích này sẽ bị phá hoại nhiều hơn bởi thế lực phản động... Hình như chúng ta chỉ cần những tội ác đủ loại đã biết của bọn phản động, mà hoàn toàn không rõ những mối nguy đủ loại chưa biết của cách mạng. Song, nếu chúng ta mù quáng phản đối cách mạng, cuối cùng chúng ta sẽ hiểu rằng, rồi phong trào quần chúng sẽ đuổi chúng ta khỏi châu Á”⁽⁵⁾. Ông cảm thấy đau xót trước việc người Mỹ hiểu quá ít về Trung Quốc và cho rằng, chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc “đang trên đà xuống dốc, chỉ có điều người Mỹ vẫn chưa hiểu được”⁽⁶⁾. Ông muốn thực hiện đầy đủ trách nhiệm của một học giả trong việc giáo dục công

chúng, và coi đó là công việc suốt đời của mình. Những tác phẩm hướng tới công chúng nhằm phổ cập tri thức lịch sử do ông viết đã chứng tỏ nỗ lực to lớn của ông. Tạm thời gác lại luận văn Tiến sĩ của mình, trước hết Phí Chính Thanh dồn sức viết tác phẩm *Nước Mỹ với Trung Quốc*, xuất bản năm 1948. Cuốn sách này hoàn toàn không giống với những trước tác về lịch sử nói chung, thường truy cầu sự xác thực của chi tiết, mà là cuốn sách giản lược mang tính chất đề cương định hướng, trong đó giới thiệu về hoàn cảnh tự nhiên, diễn biến lịch sử, kết cấu xã hội, truyền thống văn hóa, phương thức sinh hoạt của Trung Quốc; quan hệ Trung – Mỹ trong quá khứ và hiện tại. Cách giới thiệu như vậy quả là phù hợp với nhu cầu của công chúng Mỹ, khi mà sự hiểu biết của họ về Trung Quốc và quan hệ Trung – Mỹ còn hạn chế. Bởi thế, sau khi xuất bản, tác phẩm *Nước Mỹ với Trung Quốc* đã có tác dụng thức tỉnh cực lớn đối với độc giả. Sau đó, tác phẩm này lại được tác giả liên tục sửa chữa, bổ sung, rồi lần lượt cho tái bản bốn lần vào các năm 1958, 1971, 1979 và 1989, với số lượng phát hành tới 100.000 bản. Đây là một trong những trước tác viết về Trung Quốc ở phương Tây. Năm 1971, khi Richard M. Nixon tiến hành chuẩn bị chuyến viếng thăm Trung Quốc, tác phẩm *Nước Mỹ với Trung Quốc* cũng là một trong hai, ba loại sách tham khảo, giúp ông ta tìm hiểu về Trung Quốc và quan hệ Trung – Mỹ. Tuy bản thân Phí Chính Thanh từng khiêm tốn coi tác phẩm này chỉ là “cuốn sách phổ cập về tính chất xã hội

Trung Quốc mà ai cũng biết”, nhưng e rằng sẽ rất khó nêu lên được bất cứ tác phẩm nào khác có thể sánh với nó trên phương diện giúp người Mỹ tìm hiểu về Trung Quốc. Dưới ngòi bút của Phí Chính Thanh, “tất cả những gì thuộc lịch sử đều trở nên sống động”. Mỗi lần tái bản tác phẩm *Nước Mỹ với Trung Quốc*, ông đều căn cứ vào tình hình trước mắt để bổ sung thêm những nội dung mới. Ví như năm 1971, khi cuốn sách tái bản lần thứ hai, ông viết: “Vi chúng ta ném bom xuống Việt Nam, trong đời sống nước Mỹ đã xuất hiện khủng hoảng đạo đức”; nước Mỹ bị cuốn vào Việt Nam, cũng giống như trước đây bị cuốn vào Trung Quốc, là “sai lầm nghiêm trọng, không đem lại kết quả”, “không thể giành được thắng lợi” mà chỉ tăng thêm “nỗi hổ thẹn và sự sỉ nhục”⁽⁷⁾.

Loại sách phổ cập tri thức lịch sử, ngoài tác phẩm nổi tiếng trên, Phí Chính Thanh còn viết hàng loạt tác phẩm khác, bao gồm: Ba quyển về *Lịch sử văn minh Đông Á* (Đông Á văn minh sử), viết chung với Edwin O. Reischauer (*East Asia: The Great Tradition; East Asia: The Modern Transformation* và *East Asia: Tradition and Transformation; Cách mạng Trung Quốc vĩ đại* (Vĩ đại đích Trung Quốc cách mạng) // *The Great Chinese Revolution* và cuốn *Lịch sử mới Trung Quốc* (Trung Quốc tân sử) // *China: A New History* được ông hoàn thành trước khi mất. Khi viết loạt tác phẩm này, ông có thái độ vô cùng nghiêm túc, cẩn thận, luôn cầu tiến. Công việc biên tập tác phẩm *Kiểm Kiếu Trung Quốc sử* khiến Phí Chính Thanh

có cơ hội nhìn lại sâu sắc hơn, hệ thống hơn về lịch sử Trung Quốc, trên cơ sở đó, có sự khái quát cao độ để viết tác phẩm *Cách mạng Trung Quốc vĩ đại*. Sau khi hoàn thành tác phẩm này, ông hoàn toàn không thỏa mãn, lập tức bắt tay viết cuốn *Trung Quốc tân sử*. Để viết cuốn sách này, Phí Chính Thanh đã hầu như đọc hết những tác phẩm tiêu biểu về lịch sử và văn hiến Trung Quốc được giới nghiên cứu Trung Quốc học ở Mỹ viết trong gần 20 năm trở lại. Trong tác phẩm gần 500 trang này, ông đã dẫn dụng tới 930 tác phẩm của 627 học giả, qua đó, phản ánh khá đầy đủ những thành tựu nghiên cứu về Trung Quốc của giới Trung Quốc học Mỹ trên các phương diện: Lịch sử xã hội, lịch sử nhân khẩu, lịch sử khảo cổ và nhân loại học. Hơn thế, qua việc tham góp nhiều tác giả để thấu hiểu toàn diện, cuốn sách của ông đã trở thành tác phẩm thông sử Trung Quốc giản biên có phong cách độc đáo. Ông từng tổng kết: “Căn cứ vào kinh nghiệm của tôi, nhà sử học càng có ảnh hưởng lâu dài khi “góp nhặt lời người khác”. Những lời nói, đoạn văn của các học giả được viện dẫn để làm bằng chứng - đó chính là việc dùng thành quả nghiên cứu của người khác để bổ sung cho mình. Đây chính là bí quyết khiến chúng ta lưu danh thiên cổ”⁽⁸⁾. Đây là một kinh nghiệm đáng quý. Không dùng thành quả nghiên cứu của người khác để bổ sung cho mình, thì thật khó có khả năng đứng ở tuyến đầu trong chuyên ngành mình theo đuổi. Đến thời đại thông tin ngày nay càng là như thế.

Ngoài việc viết những tác phẩm hướng về công chúng, Phí Chính Thanh vô cùng quan tâm đến chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc và xu hướng trong mối quan hệ giữa hai nước. Ngoại trừ thời gian chủ nghĩa M.c Carthy^(*) hoành hành và giai đoạn ngắn lúc cuối đời, ở những thời điểm khác nhau, Phí Chính Thanh đều có những kiến giải chính trị mạnh bạo của mình. Mùa hạ năm 1949, khi cách mạng Trung Quốc sắp giành được thắng lợi, trong bài viết của mình tại cuộc Hội thảo khoa học ở đại học Harvard, ông đã kiến nghị Chính phủ Mỹ thay đổi thái độ thù địch đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc. Theo ông, “Thắng lợi của chủ nghĩa Mác – Lênin ở Trung Quốc, nói chung được quyết định bởi việc nó thích hợp với nhu cầu và tình hình của Trung Quốc, và bởi việc nó tận dụng được cơ hội riêng có ở Trung Quốc”. Từ năm 1961, bất chấp bóng đen của chủ nghĩa M.c Carthy luôn rình rập, Phí Chính Thanh vẫn thường xuyên có những bài báo gây ảnh hưởng ở Mỹ, trình bày rõ quan điểm của mình về quan hệ Trung – Mỹ⁽⁹⁾. Tháng 3 - 1966, trong một cuộc họp với tư cách dự thính tại Ủy ban Ngoại giao của Nghị viện do Chủ tịch J.William Fulbright chủ trì, ông đã bày tỏ sự tán đồng của mình đối với quan điểm cần phải thay đổi chính sách “ngăn chặn và cô lập” của Mỹ với Trung Quốc đương thời, do nhà Trung Quốc học nổi tiếng là A.DoakeBarnett đưa ra. Phí Chính Thanh chủ trương thực hiện chính sách “Ngăn chặn nhưng không cô lập”, cho rằng “cô lập Bắc Kinh

chỉ có thể khiến cho tình thế của chúng ta xấu đi”, và “Mục đích của ngăn chặn cũng chỉ ở chỗ ngăn chặn, chứ không phải là tiến hành đe dọa, tạo sự hỗn loạn, và càng không phải là tiến hành gây hấn”. Ông còn chủ trương sử dụng phương thức gián tiếp, quanh co để từng bước cải thiện quan hệ với Trung Quốc: Trước hết, cho phép các quốc gia khác cải thiện quan hệ với Trung Quốc; cho phép và thu hút Trung Quốc tham gia các hội nghị và tổ chức quốc tế, dần dần để Trung Quốc tham dự vào các cơ cấu của Liên hợp quốc, cuối cùng mở ra cánh cửa để Trung Quốc bước vào cộng đồng quốc tế⁽¹⁰⁾. Năm 1971, sau khi Henry A.Kissinger tới Trung Quốc, Phí Chính Thanh lập tức viết bài ủng hộ những nỗ lực nhằm khai thông mối quan hệ Trung – Mỹ, đồng thời cảnh báo, Trung Quốc với Mỹ rất khác nhau, người Trung Quốc và người Mỹ có những quan niệm giá trị bất đồng, nên Chính phủ Mỹ cần chuẩn bị thật đầy đủ để tháo gỡ những vướng mắc trong quan hệ Trung – Mỹ⁽¹¹⁾. Sau khi Richard M.Nixon thăm Trung Quốc, quan hệ giữa hai nước vẫn trì trệ, chưa thể bình thường hóa. Phí Chính Thanh cho rằng, muốn tình trạng này nhanh chóng kết thúc, vấn đề mấu chốt là phải xác định một chính sách về Trung Quốc. Trong một bài viết vào năm 1976, ông chỉ ra: Trong chính sách hiện hành của Mỹ, vẫn tồn tại mâu thuẫn giữa lý luận về một nước Trung Quốc với hiện thực là Mỹ cùng quan hệ với hai chính quyền. Ông thúc giục Chính phủ Mỹ hãy quyết

đoán dứt khoát, sớm thực hiện bình thường hóa quan hệ giữa hai nước⁽¹²⁾.

Dù là ở Trung Quốc hay nước ngoài, nhiều nhà sử học không mấy quan tâm tới hiện thực chính trị; họ cho rằng ảnh hưởng đến đời sống chính trị không phải là trách nhiệm của mình, hơn thế – ở mức độ nào đó – họ cũng có thái độ coi thường nhà chính trị, cho rằng những nhà chính trị chẳng có học vấn gì; nhà chính trị cũng không coi trọng các nhà sử học, cho rằng học vấn của họ chẳng có tác dụng nhiều lắm đối với hiện thực chính trị. Phí Chính Thanh là nhà sử học, nhưng ông đã kết hợp chặt chẽ công việc nghiên cứu lịch sử với hiện thực chính trị. Đây cũng là một sự gọi mở đối với giới nghiên cứu chúng ta.

Thứ hai: Sử dụng hồ sơ, tài liệu gốc của Trung Quốc để nghiên cứu lịch sử Trung Quốc.

Trước Phí Chính Thanh, nghiên cứu lịch sử Trung Quốc, đặc biệt là những học giả nghiên cứu về lịch sử quan hệ đối ngoại Trung Quốc, như H.B. Morse người Anh, Henri Cordier người Pháp, Tyler Dennett người Mỹ... hầu như chỉ căn cứ vào những hồ sơ, tư liệu của Anh – Pháp – Mỹ để nghiên cứu. Họ cho rằng chỉ cần tài liệu và quan điểm của phương Tây đã là đủ, tư liệu và quan điểm của Trung Quốc là không đáng tin cậy, nên không cần thiết. Nói một cách nghiêm chỉnh, tác phẩm của họ chỉ là lịch sử quan hệ của Anh – Pháp hoặc Mỹ với Trung Quốc, chứ không phải là lịch sử ngoại giao Trung Quốc. Phí Chính Thanh khác với họ, ông đã khai mở

phong cách làm việc mới, sử dụng hồ sơ, tài liệu của chính Trung Quốc để nghiên cứu lịch sử cận đại Trung Quốc.

Phí Chính Thanh làm Tiến sĩ ở đại học Orford – Anh, nhưng ông lại hoàn thành luận văn của mình chủ yếu ở Trung Quốc. Ông coi việc khai thác, sử dụng tư liệu Trung Quốc là khâu quan trọng trong công việc của mình. Khi ông đến Trung Quốc năm 1932, kho tài liệu lưu trữ trong khu Đại nội – Cố cung vừa mở cửa, Phí Chính Thanh đương nhiên là một trong những học giả sử dụng những tài liệu này sớm nhất, và rất có thể ông là người nước ngoài đầu tiên sử dụng chúng. Năm 1933, với hai nguồn tư liệu tiếng Anh và tiếng Trung, Phí Chính Thanh hoàn thành bài viết đầu tiên có tựa đề: “Việc hợp pháp hóa mậu dịch thuốc phiện trước Điều ước 1858”, đăng trên *Học báo xã hội và chính trị Trung Quốc* số 2, quyển 17. Đây là bài viết đầu tiên trên con đường học thuật của Phí Chính Thanh. Cuối đời đọc lại bài viết này, ông vẫn vô cùng tâm đắc và cho rằng: “Đó là bài viết tạm coi là xuất sắc” (thì quá đắc ngành đích)⁽¹³⁾. Cuốn sách *Mậu dịch và ngoại giao ven biển Trung Quốc* được Phí Chính Thanh hoàn thành trên cơ sở sửa chữa, bổ sung luận án Tiến sĩ của ông, tài liệu Trung Quốc được sử dụng càng nhiều. Tác phẩm này có lẽ do quá chuyên sâu, nên không được đông đảo người đọc biết đến như cuốn *Nước Mỹ với Trung Quốc*. Song, đây là một trước tác cực kỳ có giá trị học thuật, được dư luận rộng rãi ca ngợi, đồng thời đã khẳng định một cách

chắc chắn địa vị của Phí Chính Thanh với tư cách là nhà sử học kiệt xuất về lịch sử chế độ và ngoại giao thời vãn Thanh⁽¹⁴⁾. Về sau ông cho rằng, “sau khi hoàn thành cuốn sách này, tôi đã kết thúc quá trình được người khác đào tạo, và bắt đầu quá trình tự đào tạo”⁽¹⁵⁾. Từ đó, việc sử dụng tài liệu Trung Quốc để nghiên cứu lịch sử Trung Quốc trở thành một quy phạm học thuật của Phí Chính Thanh. Trong một số bài nghiên cứu của ông sau này, như bài *Mô thức đảng sau vụ kiện tôn giáo ở Thiên Tân* (Thiên Tân giáo án bối hậu đích mô thức) đều tuân theo quy phạm trên⁽¹⁶⁾. Học trò của ông, giáo sư Lloyd Eastman ở trường đại học Illinois nhớ lại, “đối với Phí Chính Thanh và học sinh của ông mà nói, những văn kiện cuối triều Thanh không chỉ là phương tiện để nghiên cứu thể chế chính trị Trung Quốc, mà còn là cửa sổ hướng sang thế giới khác. Ở thế giới đó, có đặc trưng nhân tính sống động, cũng có cách quan sát thế giới một cách đặc thù, riêng biệt của tầng lớp quan lại Trung Quốc vào cuối thế kỷ XIX”⁽¹⁷⁾. Điều này có nghĩa, Phí Chính Thanh không chỉ coi văn kiện, hồ sơ của Trung Quốc là một loại tư liệu gốc, mà còn coi đó là chỗ dựa quan trọng để tìm hiểu Trung Quốc nói chung, đặc trưng Trung Quốc nói riêng.

Không chỉ bản thân làm như vậy, Phí Chính Thanh còn hướng dẫn, giúp đỡ và yêu cầu học sinh làm như vậy. Cũng vì thế, ông làm việc vô cùng chắc chắn, cẩn thận. Từ năm 1939 đến 1941, ông đã cùng với Đặng Tự Vũ – học sinh kiêm trợ lý của mình – cho công bố liên tiếp ba

bài viết trên “Học báo châu Á Harvard”: *Bài thứ nhất* bàn về phương thức truyền công văn thời Thanh; *bài thứ hai* trình bày khá tỷ mỉ về loại hình và tác dụng của các loại công văn cuối triều Thanh; *bài thứ ba* khảo sát về hoạt động và cách thức quản lý mối quan hệ triều cống. Có thể nói, những bài viết trên là mẫu mực trong việc sử dụng, khai thác hồ sơ “Quá trình chuẩn bị những việc phải làm với phương Tây” (Trù biện Di vụ thủy mật) và những văn kiện về quan hệ triều cống. Sau này, những bài viết trên được tập hợp, xuất bản thành sách với tựa đề *Chính phủ thời Thanh: Ba vấn đề nghiên cứu (Thanh đại đích chính phủ: Tam hạng nghiên cứu) // Chững Administration: Three Studies*, Harvard University Press, 1960. Việc trình bày một cách cụ thể các loại văn kiện triều Thanh và giải thích ý nghĩa, phương pháp sử dụng chúng cho học sinh là chưa hề có tiền lệ trong giới Trung Quốc học ở nước ngoài. Với sự cộng tác của các học trò là Lưu Quảng Kinh, Benjamin Schwartz và Đặng Tự Vũ, Phí Chính Thanh còn hoàn thành một số tác phẩm, như chẳng hạn: *Trung Quốc cận đại: Về những tác phẩm của Trung Quốc viết từ 1898 đến 1937* (Cận đại Trung Quốc: 1898 niên chí 1937 niên Trung Quốc trước thuật chỉ nam); *Lịch sử văn kiện chủ nghĩa cộng sản Trung Quốc, 1921-1950* (Trung Quốc cộng sản chủ nghĩa văn hiến sử, 1921-1950) // *A Documentary History of Chinese Communism, 1921-1950; Phản ứng của Trung Quốc đối với phương Tây: Văn hiến thông khảo (Trung Quốc đối Tây phương đích phản ứng: Văn hiến thông*

khảo); *Phản ứng của Trung Quốc đối với phương Tây: Phương hướng nghiên cứu (Trung Quốc đối Tây phương đích phản ứng: Nghiên cứu chỉ nam); Nhập môn sử liệu cuối triều Thanh* (Thanh quý sử liệu nhập môn) // *Qing Documents: An Introductory Syllabus*, v.v... Những tác phẩm trên đều là những tài liệu giảng dạy, nhằm truyền đạt cho học sinh cách sử dụng các loại văn kiện tiếng Trung. Mãi đến cuối đời, Phí Chính Thanh vẫn vô cùng coi trọng loại sách này. Ông viết: “Một số trước tác mục lục học và những tóm lược thư mục văn kiện triều Thanh đều là cơ sở không thể thiếu đối với những học trò của tôi, khi họ sắp bắt tay vào công việc nghiên cứu”; “Đến nay, đọc lại cuốn sách *Trung Quốc cận đại: Về những tác phẩm của Trung Quốc viết từ 1898 đến 1937*, tôi vẫn cảm thấy vô cùng phấn chấn. Chỉ cần cầm cuốn sách này trong tay, lúc nào tôi cũng có thể nói với bất kỳ một học trò nào của mình rằng, anh cần phải tìm những tài liệu Trung văn gốc có liên quan đến vấn đề anh nghiên cứu; đồng thời tôi sẽ bảo cho anh ta biết phải tìm như thế nào”. Phí Chính Thanh tự nhận mình là “người giành được đặc quyền khai thác, sử dụng mỏ quặng giàu có này (chỉ những tài liệu gốc tiếng Trung – ND) trong suốt gần 40 năm ở đại học Harvarrd. Khoảng 60 tác phẩm các loại đã xuất bản của chúng tôi đều trực tiếp lấy tư liệu từ đó”⁽¹⁸⁾. Cuốn sách *Lịch sử văn kiện chủ nghĩa cộng sản Trung Quốc, 1921 – 1950* đã đánh dấu sự mở đầu cho việc nghiên cứu lịch sử cách mạng Trung Quốc một cách hệ thống, và trở thành cuốn sách không thể thiếu đối với các học giả phương Tây

nghiên cứu về cách mạng Trung Quốc. Trong quá trình khai thác văn kiện cho cuốn sách này, hai học trò kiêm trợ lý của Phí Chính Thanh là Benjamin Schwartz và Conard Brandt cũng đồng thời tiến hành công việc nghiên cứu của mình. Kết quả, họ đều có công trình được xuất bản, với nhan đề *Phong trào cộng sản chủ nghĩa ở Trung Quốc và sự quật khởi của Mao Trạch Đông* (Trung Quốc cộng sản chủ nghĩa vận động hòa Mao Trạch Đông đích quật khởi) và, *Sự thất bại của Xtalin ở Trung Quốc* (Tư Đại Lâm tại Trung Quốc đích thất bại)⁽¹⁹⁾. Một đồng nghiệp của Phí Chính Thanh nói một cách thán phục: “Có thể nói, Phí Chính Thanh là người đầu tiên thăm dò, phát hiện quặng, rồi thành lập công ty khai khoáng. Sau đó, ông trao cho các học trò của mình công việc khai thác”⁽²⁰⁾. Phí Chính Thanh đã đào tạo, bồi dưỡng được rất nhiều học giả biết cách sử dụng những tư liệu gốc của Trung Quốc để nghiên cứu Trung Quốc. Đây là điều chưa hề có tiền lệ trong giới Trung Quốc học ở phương Tây.

(Còn nữa)

DUY ĐẠT dịch

(Bài viết đăng trên tạp chí
Lịch sử nghiên cứu, số 1-1999)

CHÚ THÍCH:

(**) Trong nguyên bản Trung văn, tên một số tác phẩm được dịch sang tiếng Trung, sau đó tác giả chưa nguyên văn tiếng Anh trong ngoặc đơn (...). Để bạn đọc tiện theo dõi, khi dịch nếu gặp trường hợp như vậy, chúng tôi sẽ trước hết dịch tên

tác phẩm ra tiếng Việt, rồi chua âm Hán – Việt trong ngoặc đơn; tiếp đó, sau hai gạch nghiêng (//) là tiếng Anh trong nguyên bản, như trường hợp này. - ND -

(***) Chủ nghĩa M.c Carthy (Mạch Ca Tích chủ nghĩa) : Chủ nghĩa này được định danh theo tên gọi của M.c Carthy (1880-1964) – thượng nghị sĩ Hoa Kỳ -, người đã đưa ra dự luật kiểm soát gặt gao những người có tư tưởng tiến bộ, đồng thời chủ trương dùng thủ đoạn phát xít để đàn áp họ - ND -

(1). Mục lục chi tiết các tác phẩm đã xuất bản của Phí Chính Thanh hiện lưu tại thư viện đại học Harvard. Xem: Paul M.Evans and George H.Stevens, eds. *The Writings and Published Statements of John King Fairbank. Achronological Bibliography, 1924 – 1989.*

(2), (5), (12), (16). *Phí Chính Thanh tập*, Thiên Tân nhân dân xuất bản xã, 1993. Lâm Hải và Phù Chí Hưng dịch từ nguyên bản tiếng Anh. Các trang: 405; 308, 310, 320; 368 – 369; 257 – 292; 423; 426 – 427; 4.

(3), (8), (17). Paul A Cohen and Merle Goldman: *Fairbank Rememberd (Kỷ niệm Phí Chính Thanh)*, Nxb Đại học Harvard, 1992. Các trang: 125, 179; 149; 89; 112; 182, 186; 273; 196 – 197.

(4), (6), (15), (18). Phí Chính Thanh: *Hồi ức của Phí Chính Thanh về Trung Quốc* (Phí Chính Thanh đối Hoa hồi ức lục), Thượng Hải tri thức xuất bản xã, 1991. Lục Huệ Cần dịch từ nguyên bản tiếng Anh, Chương Khắc Sinh hiệu đính.

Các trang: 301, 338, 341; 375; 177; 398 – 399, 163.

(7). “Preface” to third edition of *The United States and China*, pp. IX-X.

(9), (20). Bảo La. Ai Văn Tư: *Phí Chính Thanh khán Trung Quốc*, Thượng Hải nhân dân xuất bản xã, 1995. Trần Đồng dịch. Các trang: 131, 289; 201; 66-67, 225; 232, 235; 210-211, 73; 9,2.

(10). *Suy nghĩ mới về Trung Quốc*. (Quan vu Trung Quốc đích tân tư lộ), “Đại tây dương học san”, số 6 – 1966 // *New Thinking about China*, “Atlantic Monthly”, June, 1966. Những trích dẫn, người viết có tham khảo tác phẩm *Phí Chính Thanh tập*, các trang 348, 355-357.

(11). *Q uan sát Trung Quốc* (China Watch), Đại học Harvard, 1987, trang 125-129.

(13). Thư của Phí Chính Thanh viết gửi tác giả, 7-11-1990. Bài viết này có trong *Phí Chính Thanh tập*, trang 167 – 211.

(14). *Phí Chính Thanh khán Trung Quốc*, trang 194. Một bằng chứng về giá trị học thuật của tác phẩm *Mậu dịch và ngoại giao ven biển Trung Quốc* là : ở phần chú thích cuốn *Lịch sử kinh tế cận đại Trung Quốc (1840 – 1894)*, tác giả Nghiêm Trung Bình (Sở Nghiên cứu Kinh tế – Viện KHXH Trung Quốc) đã dẫn dụng tới hơn 130 dẫn chứng trong tác phẩm trên của Phí Chính Thanh.

(19). Benjamin Schwartz: *Chinese Communism and the Rise of Mao*, Harvard University Press, 1952; Conrad Brandt: *Stalins Failure in China, 1924 – 1927*, Harvard University Press, 1958.